

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/HS-ST

Ngày 23-3-2022.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Quốc Mậu.

Ông Trần Đình Mạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Ninh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định.

- Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đức Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 05/2022/TLST-HS ngày 28 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2022/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 3 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn Đ, sinh năm 1983, tại Nam Định.

Nơi ĐKHKT và cư trú tại: Xóm T, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn V và bà Ngô Thị A; vợ là Lương Thị Thúy H và 02 con chung; Tiền án: Không; tiền sự: Ngày 10-6-2021 bị Công an xã M, huyện M, tỉnh Nam Định xử phạt vi phạm hành chính, bằng hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản”; nhân thân: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13 tháng 9 năm 2021 cho đến nay (Có mặt).

2. Đặng Văn T (Tên gọi khác là Đặng Thanh T), sinh năm 1981, tại Nam Định.

Nơi ĐKHKT và cư trú tại: Thôn H, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Trọng T và bà Bùi Thị D; vợ, con: Chưa có; Tiền án: Ngày 29-7-2013 bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng

Nai xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, chấp hành xong án phạt tù vào ngày 04-3-2020.

Tiền sự: Không.

Nhân thân:

Ngày 12-3-2004, bị Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Ngày 23-6-2006, bị Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Ngày 18-12-2008, bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh B xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Ngày 10-5-2010, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Dương xử phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và tổng hợp với hình phạt 06 tháng tù của bản án số 21/2008/HSST ngày 18-12-2008 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả 02 bản án là 36 tháng tù.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13 tháng 9 năm 2021 cho đến nay (Có mặt).

- *Người làm chứng:* Anh Đặng Văn T, sinh năm 1977 (Vắng mặt).

- *Người chứng kiến:*

+ Anh Phạm Đình Q, sinh năm 1963 (Vắng mặt).

+ Anh Vũ Văn S, sinh năm 1965 (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Các bị cáo Phạm Văn Đ, Đặng Văn T là bạn bè quen biết nhau từ trước và cả hai cùng nghiện chất ma túy. Ngày 12-9-2021, Đ và T có gặp nhau và thống nhất với nhau là ngày 13-9-2021, T chở Đ đi ra thành phố Nam Định để mua ma túy. Thực hiện ý định: Khoảng 08 giờ ngày 13-9-2021, T đã gọi điện thoại cho Đ bảo với Đ là có ra thành phố Nam Định để lấy hàng không thì T chở đi (tức là đi mua ma túy), Đ đồng ý bảo T đến nhà đón mình. Sau khi gọi điện, T một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Future, BKS 54Y1-1644 (Chiếc xe mô tô này là của anh Đặng Văn T, sinh năm 1977; cư trú tại: Thôn H, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định là anh trai của T) đi từ nơi ở của mình ở thôn H, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định đến nhà ở của Đ ở xóm T, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định để đón Đ đi ra thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định để tìm mua ma túy sử dụng. Khi Đ và T đi ra đến ngõ 75 đường H, thành phố Nam Định thì T dừng xe đứng đợi ở bên ngoài, còn Đ một mình đi vào bên trong ngõ 75 để tìm mua ma túy. Tại đây Đ đã gặp một người đàn ông (Đ không biết tên, tuổi, địa chỉ) và Đ đã nhờ người đàn ông này mua hộ cho Đ 1.000.000 đồng tiền ma túy và người đàn ông này đã

mua hộ cho Đ được 10 gói ma túy, loại Heroine, với giá là 1.000.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, Đ cầm số ma túy vừa mua được ở trên tay phải rồi đi bộ ra chỗ T đang đứng đợi và nói “Lấy được hàng rồi, đi về”, T nghe Đ nói vậy liền quay xe mô tô chở Đ đi ngược theo đường cũ để đi về nhà Đ. Đến khoảng 09 giờ 35 phút cùng ngày Đ và T đi về đến xóm T, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định thì bị Tổ công tác của Công an xã V phối hợp với Công an xã L, huyện V, tỉnh Nam Định đang làm nhiệm vụ tại khu vực đó yêu cầu Đ và T dừng xe để kiểm tra hành chính. Lúc này Đ xuống xe rồi tự giác giao nộp toàn bộ số ma túy vừa mua được cho Tổ công tác của Công an và khai nhận đó là ma túy, loại Heroine. Thấy vậy, T liền điều khiển xe mô tô bỏ chạy về nhà ở của mình.

Tổ công tác của Công an đã bắt giữ Đ và thu giữ của Đ các vật chứng gồm: Số ma túy của Đ giao nộp, có đặc điểm vỏ ngoài là 01 gói ni lông màu trắng kích thước (3x5) cm, bên trong có đựng 10 gói nhỏ giấy bạc màu trắng, bên trong mỗi gói đều chứa chất bột dạng cục màu trắng, niêm phong ký hiệu là M; 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 105, vỏ màu đen, có gắn 02 sim, sim 1 số 0962473428, sim 2 số 0393343153.

Cùng ngày Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã bắt giữ T và thu giữ của T các vật chứng gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Future, BKS 54Y1-1644 và 01 điện thoại Iphone 4S, màu đen, có gắn sim số 0393641087.

Bản Kết luận giám định số 1225/GĐKTHS ngày 13 tháng 9 năm 2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định kết luận: Mẫu bột dạng cục màu trắng trong 10 gói nhỏ giấy bạc màu trắng, bên ngoài đều bọc ni lông màu đen (được gói trong 01 gói ni lông màu trắng kích thước (3x5)cm), được niêm phong ký hiệu M gửi giám định đều là Ma túy, loại ma túy Heroine, tổng khối lượng mẫu M là 1,004 gam.

Tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V, Phạm Văn Đ và Đặng Văn T đã thành khẩn khai báo về toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung đã nêu ở trên.

Ngày 19 tháng 10 năm 2021 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Future, BKS 54Y1-1644 cho anh Đặng Văn T là chủ sở hữu hợp pháp.

Cáo trạng số 07/CT-VKSVB ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định đã truy tố Phạm Văn Đ về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự và truy tố Đặng Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm o khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo Phạm Văn Đ, Đặng Văn T đã thành khẩn khai báo về toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo đúng như nội dung đã nêu ở trên và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội và xin được giảm nhẹ một phần hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V thực hành quyền công tố, sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ buộc tội đối với các bị cáo Phạm Văn Đ, Đặng Văn T và đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo cũng như vị trí vai trò của từng bị cáo trong vụ án đã giữ nguyên quan điểm truy tố về hành vi của các bị cáo như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

- Về điều luật, tội danh và hình phạt áp dụng đối với bị cáo Phạm Văn Đ: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Đ phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Xử phạt bị cáo Đ từ 18 tháng đến 24 tháng tù. Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

- Về điều luật, tội danh và hình phạt áp dụng đối với bị cáo Đặng Văn T: Áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Xử phạt bị cáo T từ 06 năm 06 tháng đến 07 năm tù. Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

- Về xử lý vật chứng:

+ Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy và vỏ bao gói mà cơ quan giám định đã hoàn lại đối tượng giám định.

+ Tịch thu bán hóa giá sung vào ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia 105, vỏ màu đen, có gắn 02 sim, sim 1 số 0962473428, sim 2 số 0393343153 và 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 4S màu đen, có gắn sim số 0393641087.

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Xét hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện V, của Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều là hợp pháp.

[2]. Về tội danh đối với hành vi của các bị cáo: Xét lời khai nhận tội của các bị cáo Phạm Văn Đ, Đặng Văn T tại phiên tòa phù hợp với toàn bộ lời khai

của các bị cáo, của người chứng kiến tại cơ quan điều tra và phù hợp với toàn bộ các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án, cũng như các vật chứng đã thu giữ. Nên, Hội đồng xét xử thấy đã có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng 08 giờ ngày 13-9-2021, bị cáo Đặng Văn T đã gọi điện thoại cho bị cáo Phạm Văn Đ hỏi bị cáo Đ có đi ra thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định để mua ma túy không để bị cáo T còn chờ đi, bị cáo Đ đồng ý bảo bị cáo T đến nhà đón mình. Sau khi gọi điện bị cáo T đã điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Future, BKS 54Y1-1644 đến chờ bị cáo Đ đi ra khu vực ngõ 75, đường H, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định để tìm mua ma túy. Khi ra đến nơi bị cáo T dừng xe đứng đợi ở bên ngoài, còn bị cáo Đ một mình đi bộ vào bên trong ngõ 75 để tìm mua ma túy và tại đó bị cáo Đ đã mua được 10 gói nhỏ ma túy, loại Heroine, có tổng khối lượng là 1,004 gam, với mục đích đem về để sử dụng. Sau khi đã mua được ma túy bị cáo T tiếp tục điều khiển xe mô tô chờ bị cáo Đ đi ngược theo đường cũ để về nhà bị cáo Đ. Đến khoảng 9 giờ 30 phút cùng ngày các bị cáo đi về đến khu vực xóm T, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định thì bị Tổ công tác của Công an xã V và Công an xã L, huyện V, tỉnh Nam Định đang làm nhiệm vụ tại khu vực đó yêu cầu các bị cáo dừng xe để kiểm tra hành chính thì bị cáo Đ đã xuống xe, tự giác giao nộp toàn bộ số ma túy vừa mua được cho Tổ công tác của Công an. Thấy vậy, bị cáo T liền điều khiển xe mô tô bỏ chạy về nhà ở của mình.

Đối chiếu hành vi mà các bị cáo Phạm Văn Đ, Đặng Văn T đã thực hiện với những quy định của Bộ luật Hình sự hiện hành thấy hành vi đó của các bị cáo đã đủ các yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại Điều 249 của Bộ luật Hình sự. Nhưng xét thấy điểm, khoản áp dụng đối với bị cáo Đ thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự; còn điểm, khoản áp dụng đối bị cáo T thuộc trường hợp quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự, vì trước lần phạm tội này, ngày 29-7-2013 bị cáo T đã bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai kết án và xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, theo bản án số 441/2013/HSST ngày 29-7-2013 và tại bản án này bị cáo đã bị áp dụng tình tiết “Tái phạm nguy hiểm”. Nên lần phạm tội này của bị cáo mới cấu thành thuộc trường hợp quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Như vậy, quan điểm truy tố và luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện V đối với hành vi phạm tội của các bị cáo là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3]. Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Xét hành vi phạm tội của các bị cáo Phạm Văn Đ, Đặng Văn T đã xâm phạm tới chính sách độc quyền quản lý về chất ma túy của Nhà nước và gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Do đó, hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội. Vì vậy, cần phải buộc các bị cáo chịu

trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình và cần phải áp dụng loại hình phạt, cũng như mức hình phạt tương xứng với mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo để cải tạo, giáo dục các bị cáo nói riêng, đồng thời cũng là để răn đe phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4]. Về tính đồng phạm và vai trò, vị trí của các bị cáo trong vụ án: Xét thấy vụ án có tính chất đồng phạm; trong đó bị cáo Đ là người bỏ tiền để mua ma túy, trực tiếp mua ma túy và cất giấu ma túy ở trong người nên là người trực tiếp thực hành tội phạm do đó bị cáo Đ giữ vai trò thứ nhất trong vụ án; còn bị cáo T là người gọi điện bảo chở bị cáo Đ đi mua ma túy rồi điều khiển xe mô tô chở bị cáo Đ đi mua ma túy và khi biết được bị cáo Đ đã mua được ma túy, cất giấu ở trong người thì bị cáo lại tiếp tục chở bị cáo Đ về nên bị cáo T là người giúp sức cho bị cáo Đ nên giữ vai trò thứ hai trong vụ án.

[5]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về nhân thân: Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa thể hiện các bị cáo đều có nhân thân xấu, trước lần phạm tội này bị cáo Đ đã 01 lần bị cơ quan Công an xử phạt vi phạm hành chính, còn bị cáo T đã 05 lần bị Tòa án nhân dân kết án.

- Về tình tiết tăng nặng: Xét thấy các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Xét thấy tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Nên, các bị cáo đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6]. Về đường lối xử lý hành vi phạm tội của các bị cáo:

- Về hình phạt chính: Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cũng như động cơ mục đích phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy ý thức chấp hành pháp luật của các bị cáo rất kém nên cần phải áp dụng hình phạt tù nghiêm minh đối với các bị cáo và tiếp tục cách ly các bị cáo ra khỏi môi trường ngoài xã hội một thời gian nhất định nữa thì mới có thể cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội được.

- Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo tàng trữ trái phép chất ma túy với mục đích để sử dụng. Nên, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7]. Về xử lý vật chứng:

- Về số ma túy và vỏ bao gói mà cơ quan giám định đã hoàn lại đối tượng giám định được đựng trong 01 phong bì niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định; mặt trước có ghi: Số 1225/GĐKTHS; “Kính gửi: Cơ quan CSĐT-CAH V, tỉnh Nam Định. Hoàn trả mẫu vật giám định vụ Phạm Văn

Đ, sinh năm 1983. Phạm tội về ma túy, ngày 13/9/2021, được niêm phong bởi 03 hình dấu tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định và có các chữ ký, dòng chữ Hoàng Đình V, Trần Trung H. Xét thấy đây là vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành nên tịch thu tiêu hủy.

- Về 01 chiếc điện thoại Nokia 105, vỏ màu đen, có gắn 02 sim, sim 1 số 0962473428, sim 2 số 0393343153 và 01 chiếc điện thoại Iphone 4S màu đen, có gắn sim số 0393641087. Xét thấy 02 chiếc điện thoại này là tài sản của các bị cáo và các bị cáo đã sử dụng 02 chiếc điện thoại này làm phương tiện liên lạc với nhau để đi mua ma túy nên tịch thu bán hóa giá sung vào ngân sách Nhà nước.

[8]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

[9]. Đối với người đàn ông đã mua hộ ma túy cho bị cáo Đ (theo lời khai của bị cáo Đ). Do các bị cáo không biết được tên, tuổi, địa chỉ của người đàn ông đó và trong quá trình điều tra cũng chưa xác định được về người đàn ông đó. Nên, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã tách ra để tiếp tục điều tra, xác minh xử lý sau. Xét thấy là phù hợp với quy định của pháp luật.

[10]. Đối với anh Đặng Văn T là chủ sở hữu của chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Future, BKS 54Y1-1644. Nhưng khi bị cáo T lấy chiếc xe mô tô này đi chở bị cáo Đ đi mua ma túy thì anh T không biết; mặt khác trong quá trình điều tra thì anh T đã được nhận lại chiếc xe mô tô này của mình rồi và tại phiên tòa anh Thứ cũng không có yêu cầu, đề nghị gì về chiếc xe mô tô này. Nên, Hội đồng xét xử không xác định anh T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Phạm Văn Đ phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13 tháng 9 năm 2021.

2. Căn cứ vào điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Đặng Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Xử phạt bị cáo Đặng Văn T 06 (Sáu) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13 tháng 9 năm 2021.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định; mặt trước có ghi: Số 1225/GĐKTHS; “Kính gửi: Cơ

quan CSĐT-CAH V, tỉnh Nam Định. Hoàn trả mẫu vật giám định vụ Phạm Văn Đ, sinh năm 1983. Phạm tội về ma túy, ngày 13/9/2021, được niêm phong bởi 03 hình dấu tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định và có các chữ ký, dòng chữ Hoàng Đình V, Trần Trung H.

- Tịch thu bán hóa giá sung vào ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại Nokia 105, vỏ màu đen, có gắn 02 sim, sim 1 số 0962473428, sim 2 số 0393343153 và 01 chiếc điện thoại Iphone 4S màu đen, có gắn sim số 0393641087.

(Vật chứng đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Nam Định và có đặc điểm như trong biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 21 tháng 3 năm 2022).

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Phạm Văn Đ và Đặng Văn T, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Phạm Văn Đ, Đặng Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện + tỉnh;
- Công an huyện V;
- CCTHADS huyện V;
- UBND xã L, xã Y;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Văn Quân